TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:45/2022/DS-ST
Ngày: 23/9/2022
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Đức Bản.

2. Ông Nguyễn Quốc Phú.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hoà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số: 80/2022/QĐST-DS ngày 23/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B; Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings Towr Số 210 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S- Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Bình. Đã ủy quyền lại cho ông Lê Vũ H - Tổ trưởng Tổ HTHĐ Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Bình, địa chỉ: Số 06A T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Được ủy quyền theo Quyết định uỷ quyền số: 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 từ ông Phạm Doãn S và Giấy ủy quyền số: 269/2022/UQ-LienVietpostbank ngày 18/4/2022 từ ông Nguyễn Văn C - Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình). Ông Lê Vũ H có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số nhà 12, Ngõ 63 đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Ngân hàng thương mại cổ phần B trong đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2022, bổ sung tại bản tự khai và trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày:

Ngày 27/11/2017, Ngân hàng TMCP B– Chi nhánh Quảng Bình đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD4502017782 tổng số tiền cấp tín dụng cho bà Phạm Thị A với số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn*). Thời hạn cho vay là: 36 tháng được tính từ ngày tiếp theo của Ngân hàng giải ngân vay vốn đầu tiên là ngày 28/11/2017 cho đến hết ngày 27/11/2020. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải Ngân là: 8,0%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được tính trên cơ sở một năm 360 ngày (X năm) và dùng để tính lải tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng khi đó mức lãi suất quy đổi theo tỷ lệ % trên cơ sở 01 năm có 365 ngày (Y%/năm) được tính theo nguyên tắc: Y% năm=(X % năm: 360) x 365, mức lãi suất quy đổi là 8,11/năm, phương pháp cố định điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cố định trong suốt thời gian vay. Tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc ban đầu và thời gian vay thực tế (kể cả thời gian gia hạn trừ khi hai bên có thoả thuận khác. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất là lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thoả thuận 10//năm.

Kể từ thời điểm vay bà Phạm Thị A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 47.260.000 đồng. Do không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay của khách hàng, bà Phạm Thị A đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ thời điểm tháng 03/2020.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ xấu, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà Phạm Thị A thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả bà Phạm Thị A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm cam kết. Tính đến ngày 23/9/2022, tổng dư nợ mà bà Phạm Thị A còn nợ tại Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là: 2.138.514 đồng, trong đó: Nợ tiền gốc là 1.350.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc 416.438 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn 295.151 đồng, lãi chậm trả 76.925 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu bà Phạm Thị A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số HDTD4502017782 ngày 27/11/2017 với tổng số tiền tính đến ngày 23/9/2022 là: 2.138.514 đồng, trong đó: Nợ tiền gốc là 1.350.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc 416.438 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn 295.151 đồng, lãi chậm trả 76.925 đồng.

Nếu bà Phạm Thị A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

* Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa án theo thời gian quy định. Vì vậy tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) theo xác minh ngày 30/6/2022 tại Tổ trưởng dân phố 5 phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình ngày thì hiện nay bà Phạm Thị A vẫn có mặt tại địa phương, và đang sinh sống tại số nhà 12, ngõ 63 đường L, tổ dân phố 5 phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B trình bày yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu về tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, và lãi chậm trả lãi, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ thường trú tại số nhà 12, ngõ 63 đường L, tổ dân phố 5 phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, nên Tòa án thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án được thụ lý ngày 19/5/2022, đến ngày 08/8/2022 Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nguyên cứu theo đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà Phạm Thị A vắng mặt không có lý do chính đáng. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Việc ngân hàng TMCP B yêu cầu bà Phạm Thị A thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 23/9/2022 là: 2.138.514 đồng, trong đó: Nợ tiền gốc là 1.350.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc 416.438 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn 295.151 đồng, lãi chậm trả 76.925 đồng. Tại hồ sơ vụ án Ngân hàng đã xuất trình Hợp đồng tín dụng, bảng kê tính lãi để chứng minh bà Phạm Thị A đã vay tiền của Ngân hàng.

Hợp đồng tính dụng số: HDTD4502017782 ngày 27/11/2017 giữa Ngân hàng với bà Phạm Thị A được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm bà Ánh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng gồm: Nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi. Vì vậy xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP B là có căn cứ cần xem xét chấp nhận để buộc bà Phạm Thị A phải trả cho Ngân hàng B với số tiền gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 463, 465, 466, 468, 470 BLDS năm 2015; Khoản 1 Điều 147 BLTTDS, Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với số tiền gốc, số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi với lãi suất 10% tính trên tiền lãi trong hạn.

Về phần án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp phát sinh từ quan hệ Hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú của bị đơn. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; Điều 39; Điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng bên bị đơn vắng mặt, mặc dù hiện nay bà A vẫn có mặt và đang sinh sống tại địa phương theo biên bản xác minh vào ngày 30/6/2022 tại Tổ trưởng tổ dân phố 5 phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình thì hiện nay bà A vẫn có mặt tại địa phương, và đang sinh sống tại số nhà 12, ngõ 63 đường L, tổ dân phố 5 phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã niêm yết các văn bản Tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa

vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST- DS ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Bà Phạm Thị A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2022/QĐST-DS ngày 23/8/2022 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 23/9/2022 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Ánh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định:

Ngày 27/11/2017, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Bình đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD4502017782 tổng số tiền cấp tín dụng cho bà Phạm Thị A với số tiền là 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn*). Thời hạn cho vay là: 36 tháng được tính từ ngày tiếp theo của Ngân hàng giải ngân vay vốn đầu tiên là ngày 28/11/2017 cho đến hết ngày 27/11/2020. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải Ngân là: 8,0%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được tính trên cơ sở một năm 360 ngày (X năm) và dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng khi đó mức lãi suất quy đổi theo tỷ lệ % trên cơ sở 01 năm có 365 ngày (Y%/năm) được tính theo nguyên tắc: Y% năm=(X % năm: 360) x 365, mức lãi suất quy đổi là 8,11/năm, phương pháp cố định điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cố định trong suốt thời gian vay. Tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc ban đầu và thời gian vay thực tế (kể cả thời gian gia hạn trừ khi hai bên có thoả thuận khác. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất là lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thoả thuận 10//năm.

Kể từ thời điểm vay bà Phạm Thị A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 47.260.000 đồng. Do không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay của khách hàng, bà Phạm Thị A đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ thời điểm tháng 11/2020.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ xấu, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà Phạm Thị A thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả bà Phạm Thị A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm cam kết. Tính đến ngày 23/9/2022, tổng dư nợ mà bà Phạm Thị Ánh còn nợ tại Ngân hàng TMCP B là: 2.138.514 đồng, trong đó: Nợ tiền gốc là 1.350.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc 416.438 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn 295.151 đồng, lãi chậm trả 76.925 đồng.

[2.2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc bị đơn là bà Phạm Thị A phải trả cho Ngân hàng TMCP B với số tiền gốc tính đến ngày 23/9/2022 là

2.138.514 đồng, trong đó: Nợ tiền gốc là 1.350.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc 416.438 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn 295.151 đồng, lãi chậm trả 76.925 đồng.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải nộp án phí, bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

- Áp dụng các Điều 116, 117,119, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử**:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc bà Phạm Thị A phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 23/9/2022 là: 2.138.514 đồng, trong đó: Nợ tiền gốc là 1.350.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc 416.438 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn 295.151 đồng, lãi chậm trả 76.925 đồng.

Kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng bà Phạm Thị A còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD4502017782 ngày 27/11/2017 giữa bà Phạm Thị A đã ký kết với Ngân hàng TMCP B.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Phạm Thị A phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng để sung qũy Nhà nước.

3. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không phải nộp hoàn trả cho Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B số tiền là: 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 31AA/2021/0001180 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**